

TRƯỜNG THPT SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỢT 1 - 2025

Ngành, nghề: Cao đẳng Điều dưỡng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-HDTS ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐTUT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Mỹ	22/07/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,93	8,43	TT	
2	Nét Thị Thúy	03/08/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,44	10,19	TT	
3	Lưu Nguyễn Trường	29/01/2005	Nữ	Hoa		01	2023	Cần Thơ	0	2	7,40	9,40	TT	
4	Nguyễn Bình	01/01/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,50	8,25	TT	
5	Trịnh Hoàng Bảo	28/08/2005	Nữ	Hoa		01	2023	Sóc Trăng	0	2	8,20	10,20	TT	
6	Nguyễn Như Huỳnh	15/11/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,63	9,38	TT	
7	Sơn Thị Mỹ	01/01/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,18	10,93	TT	
8	Thái Thị	08/01/2003	Nữ	Khmer		01	2022	Sóc Trăng	0	2	8,10	10,10	TT	
9	Lâm Thị Ngọc	07/07/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,25	10,00	TT	
10	Trương Khánh	21/11/2003	Nam	Kinh			2021	Sóc Trăng	0	0	8,70	8,70	TT	
11	Lê Khánh	28/10/2004	Nam	Kinh			2022	Sóc Trăng	0	0	8,40	8,40	TT	
12	Lý Thị Hà	07/03/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Trà Vinh	0,75	2	6,56	9,31	TT	
13	Nguyễn Trường	15/10/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,22	8,72	TT	
14	Quách Thị Ngọc	09/02/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,10	10,85	TT	
15	Chiêm Thị Khánh	13/12/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,99	10,74	TT	
16	Kim Thị Ngọc	18/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,73	10,48	TT	
17	Huỳnh Gia	27/06/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,82	9,57	TT	
18	Lê Gia	24/02/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,96	8,46	TT	
19	Thái Ngọc	21/01/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	7,50	8,25	TT	
20	Kha Minh	26/02/2006	Nam	Hoa	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	6,00	8,75	TT	
21	Trần Thị Hồng	29/11/2005	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,90	10,65	TT	
22	Châu Thị Kim	26/08/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,40	8,90	TT	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đối tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐTUT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
23	Tăng Hải	25/10/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,80	10,55	TT	
24	Đào Ngọc	02/04/2005	Nữ	Khmer		01	2023	Sóc Trăng	0	2	8,20	10,20	TT	
25	Huỳnh Anh	06/08/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,44	10,19	TT	
26	Trần Mỹ	26/12/2006	Nữ	Hoa	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	6,90	9,65	TT	
27	Nguyễn Thị Ánh	28/05/2006	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,13	8,88	TT	
28	Lê Duy	18/05/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,66	8,16	TT	
29	Danh Chí	08/05/2001	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,61	10,36	TT	
30	Danh Thị Kiều	16/04/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,10	9,85	TT	
31	Cao Hữu	16/02/2007	Nam	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,67	10,42	TT	
32	Hồ Nguyễn Thanh	13/08/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,82	8,32	TT	
33	Lâm Lê Bảo	22/12/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,48	8,23	TT	
34	Nguyễn Phú	24/07/2006	Nam	Kinh	2NT		2024	Sóc Trăng	0,5	0	7,70	8,20	TT	
35	Nguyễn Thị Ngọc	10/11/2005	Nữ	Kinh			2023	Sóc Trăng	0	0	8,60	8,60	TT	
36	Thạch Ngọc Yên	15/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,16	9,91	TT	
37	Lý Thị Cẩm	11/05/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	6,60	9,35	TT	
38	Phan Thị Trúc	28/10/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,64	8,39	TT	
39	Thạch Mô	24/05/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,83	10,58	TT	
40	Trần Thị Mô	01/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,36	11,11	TT	
41	Lý Tú	18/04/2004	Nữ	Hoa		01	2022	Sóc Trăng	0	2	8,90	10,90	TT	
42	Huỳnh Kim	13/05/2006	Nữ	Hoa	KV1	01	2024	Kiên Giang	0,75	2	7,70	10,45	TT	
43	Nguyễn Thị Thảo	07/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,01	8,51	TT	
44	Nguyễn Bạch	09/06/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,89	8,39	TT	
45	Nguyễn Phương	01/12/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	7,80	8,55	TT	
46	Dương Phạm Anh	26/10/2001	Nữ	Kinh			2019	Sóc Trăng	0	0	8,40	8,40	TT	
47	Trần Thị Thảo	28/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,31	10,06	TT	
48	Dương Tú	10/12/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,50	9,25	TT	
49	Lê Khiết	08/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,50	8,25	TT	
50	Thạch Anh	14/06/2006	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,83	10,58	TT	
51	Trịnh Tấn	05/11/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,08	8,58	TT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm DTUT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
52	Võ Ánh	23/09/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,56	8,31	TT	
53	Trần Thị Huỳnh	03/05/2002	Nữ	Khmer		01	2020	Sóc Trăng	0	2	7,50	9,50	TT	
54	Nguyễn Thị Tú	06/11/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,92	9,42	TT	
55	Lê Thị Huỳnh	16/09/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,30	9,05	TT	
56	Tô Thị Tuyết	24/10/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,21	8,96	TT	
57	Nguyễn Ngọc Quỳnh	02/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,36	8,86	TT	
58	Nguyễn Thị Kiều	03/01/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,41	8,16	TT	
59	Thạch Thị	02/01/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,71	10,46	TT	
60	Phan Hoàng	06/05/2006	Nam	Kinh	2NT		2024	Sóc Trăng	0,5	0	7,80	8,30	TT	
61	Mã Ngọc	13/10/1998	Nữ	Hoa		01	2016	Sóc Trăng	0	2	7,40	9,40	TT	
62	Phạm Trinh Nhất	31/07/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,14	8,89	TT	
63	Tất Bình	12/02/2002	Nam	Hoa		01	2020	Sóc Trăng	0	2	7,50	9,50	TT	
64	Trần Ngọc	15/04/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,89	10,64	TT	
65	Dương Ngọc Như	21/01/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,13	9,88	TT	
66	Phạm Cao Nhật	08/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,62	8,37	TT	
67	Dương Thị Na	09/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,98	10,73	TT	
68	Lý Ngọc	15/08/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,19	9,94	TT	
69	Lý Thị Hồng	26/01/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,80	10,55	TT	
70	Thạch Thị Ly	22/12/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,30	10,05	TT	
71	Ngô Phát	30/12/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,78	8,28	TT	
72	Trần Thị Cẩm	01/07/2004	Nữ	Kinh			2022	Sóc Trăng	0	0	8,90	8,90	TT	
73	Trần Minh	26/11/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,86	8,61	TT	
74	Lâm Thị Út	04/06/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,86	10,61	TT	
75	Trà Thái	08/04/2007	Nam	Khmer	2NT	01	2025	Sóc Trăng	0,5	2	7,58	10,08	TT	
76	Hà Lâm Ngọc	05/07/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,54	11,29	TT	
77	Thạch Thị Ngọc	24/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,02	10,77	TT	
78	Trần Thị Ngọc	29/05/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,89	9,64	TT	
79	Lê Thị Song	23/10/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,72	8,22	TT	
80	Thạch Hoàng	17/11/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,28	11,03	TT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đối tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐTUT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
81	Lê Thị Huỳnh	24/06/2006	Nữ	Kinh	2NT		2024	Sóc Trăng	0,5	0	7,80	8,30	TT	
82	Huỳnh Lê	23/02/2006	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,10	8,60	TT	
83	Nguyễn Bảo	15/03/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,63	8,38	TT	
84	Hàng Thị Anh	26/09/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,16	10,91	TT	
85	Lâm Minh	15/09/2004	Nam	Khmer		01	2022	Sóc Trăng	0	2	7,80	9,80	TT	
86	Hàng Phương	09/06/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,11	10,86	TT	
87	Nguyễn Anh	25/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,46	9,21	TT	
88	Nguyễn Thị Anh	07/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,99	8,49	TT	
89	Diệp Minh	07/12/2006	Nữ	Kinh	2NT		2025	Cà Mau	0,5	0	7,86	8,36	TT	
90	Thạch Võ Bích	13/12/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,19	10,94	TT	
91	Phạm Ngọc	16/11/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,98	8,48	TT	
92	Nguyễn Huỳnh Huyền	12/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,04	8,79	TT	
93	Nguyễn Thảo	07/03/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,18	8,68	TT	
94	Danh Thị Tuyết	26/07/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,50	10,25	TT	
95	Lương Thị Kiều	14/02/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,57	8,32	TT	
96	Lại Sơn Bảo	11/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,27	9,02	TT	
97	Sơn Thị	02/06/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,11	10,86	TT	
98	Hứa Thị Mỹ	16/03/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,88	10,63	TT	
99	Huỳnh Thị Như	06/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,00	10,75	TT	
100	Ông Thị Như	26/12/2006	Nữ	Hoa	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,70	10,45	TT	
101	Nguyễn Thị Như	03/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,24	8,74	TT	
102	Nguyễn Ngọc Như	06/03/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,89	8,64	TT	
103	Phạm Hồng	27/03/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,24	8,99	TT	
104	Lý Thị Kiều	15/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,24	8,99	TT	
105	Lê Khả	06/05/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,18	8,93	TT	

Danh sách có 105 thí sinh

Handwritten signature



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỢT 1 - 2025
Ngành, nghề: Cao đẳng Dược

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-HDTS ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tương UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm DT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
1	Lý Huệ	10/09/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,08	8,83	TT	
2	Lê Thị Lan	27/03/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,89	8,39	TT	
3	Son Thị Sà	06/07/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,80	10,55	TT	
4	Nguyễn Trần Gia Bảo	14/07/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,09	8,84	TT	
5	Lâm Thái Cang	29/08/2006	Nam	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	8,60	11,35	TT	
6	Thạch Ngọc Kim Chi	29/05/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,13	9,88	TT	
7	Son Minh Chiến	26/02/2005	Nam	Khmer		01	2023	Sóc Trăng	0	2	6,40	8,40	TT	
8	Lý Thị Hồng Danh	10/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,26	11,01	TT	
9	Dương Thị Ngọc Dung	18/03/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,68	9,43	TT	
10	Lê Khánh Duy	16/02/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,58	8,08	TT	
11	Đặng Thị Mỹ Duyên	18/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	9,33	10,08	TT	
12	Phan Nguyễn Mai Đình	20/04/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,29	8,79	TT	
13	Lý Ngọc Hà	27/05/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,09	9,84	TT	
14	Lâm Gia Hân	23/02/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,40	10,15	TT	
15	Thạch Xứ Hên	23/04/1997	Nam	Khmer		01	2015	Sóc Trăng	0	2	7,10	9,10	TT	
16	Khương Thị Thu Hiền	07/10/2004	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,80	10,55	TT	
17	Trần Ngọc Hoa	06/01/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	7,80	8,55	TT	
18	Trương Nhật Huy	28/02/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,52	8,02	TT	
19	Dương Tiến Việt Hưng	03/06/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,16	8,91	TT	
20	Nguyễn Ngọc Hương	15/02/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	7,80	8,55	TT	
21	Trần Anh Kiệt	23/04/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,72	10,47	TT	
22	Mạc Tuấn Kha	03/08/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,60	8,35	TT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
23	Trịnh Đăng Khoa	04/01/2008	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,59	8,34	TT	
24	Phan Lâm Mỹ Linh	23/08/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,28	8,03	TT	
25	Lê Thị Mai Loan	08/12/2003	Nữ	Kinh			2021	Sóc Trăng	0	0	9,20	9,20	TT	
26	Tăng Tài Lộc	01/01/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,57	10,32	TT	
27	Nguyễn Thị Trúc Ly	20/06/2006	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,24	8,74	TT	
28	Tăng Thị Trúc Mai	10/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,89	10,64	TT	
29	Nguyễn Châu Ngọc Mai	03/03/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,51	8,26	TT	
30	Lâm Hoài Minh	23/09/2003	Nam	Khmer		01	2021	Sóc Trăng	0	2	7,50	9,50	TT	
31	Ngô Thị Thảo My	28/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,12	10,87	TT	
32	Trà My	21/08/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,70	10,45	TT	
33	Thạch Thị Trúc My	24/07/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,22	9,97	TT	
34	Lê Khả My	28/03/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	8,80	9,55	TT	
35	Kim Thị Bồ Na	21/03/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Trà Vinh	0,75	2	8,09	10,84	TT	
36	Liêu Hải Nam	04/09/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,06	10,81	TT	
37	Bê Thị Ma Nít	09/11/2005	Nữ	Khmer		01	2023	Sóc Trăng	0	2	7,30	9,30	TT	
38	Trương Thị Thu Ngân	22/05/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,63	9,38	TT	
39	Lê Trần Khả Ngân	29/08/2006	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,21	8,96	TT	
40	Lê Ngọc Kim Ngân	29/11/0005	Nữ	Khmer		01	2023	Sóc Trăng	0	2	6,80	8,80	TT	
41	Lâm Thị Thanh Ngân	22/07/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,00	8,75	TT	
42	Thái Mỹ Ngân	08/02/2003	Nữ	Kinh			2021	Sóc Trăng	0	0	8,10	8,10	TT	
43	Trần Tuyết Nghiêm	04/12/2003	Nữ	Hoa		01	2022	Sóc Trăng	0	2	7,80	9,80	TT	
44	Quan Như Ngọc	31/01/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,62	8,12	TT	
45	Phạm Nguyễn Trí Nguyên	20/07/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,08	8,83	TT	
46	Diệp Thanh Nhân	29/05/2006	Nam	Kinh	2NT		2024	Sóc Trăng	0,5	0	7,70	8,20	TT	
47	Tổ Yến Nhi	02/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,37	11,12	TT	
48	Lâm Thị Bé Nhi	05/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,14	9,89	TT	
49	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/08/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,11	8,86	TT	
50	Huỳnh Thị Thảo Nhi	13/04/2004	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,92	8,67	TT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đối tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
51	Hà Yên	10/11/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,46	8,21	TT	
52	Son Kiều	20/08/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,62	10,37	TT	
53	Phan Tấn	05/09/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,90	8,65	TT	
54	Danh Hoài	07/03/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,20	9,95	TT	
55	Huỳnh Phong	11/06/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,63	8,38	TT	
56	Trần Trinh Khánh	09/02/2007	Nữ	Khmer	2NT	01	2025	Sóc Trăng	0,5	2	7,64	10,14	TT	
57	Đỗ Thị Mỹ	25/10/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	7,50	8,25	TT	
58	Danh Công	08/02/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,72	8,47	TT	
59	Huỳnh Hữu	01/10/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,06	8,81	TT	
60	Thạch Thị	03/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,52	11,27	TT	
61	Trần Ngọc Cẩm	21/02/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,97	8,72	TT	
62	Trương Tăng Minh Tiến	26/07/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	9,33	10,08	TT	
63	Huỳnh Trung	21/04/2007	Nam	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,23	10,98	TT	
64	Lâm Minh	28/03/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,28	8,78	TT	
65	Nguyễn Thị Cẩm	01/11/2006	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,20	8,95	TT	
66	Danh Thị Mộng	13/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,99	9,74	TT	
67	Nguyễn Hoàng	28/01/2004	Nam	Kinh		03	2022	Sóc Trăng	0	2	7,20	9,20	TT	
68	Son Hoàng	24/12/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,14	10,89	TT	
69	Thạch Lý Minh	10/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,87	10,62	TT	
70	Nguyễn Lâm Tấn	24/10/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,44	8,19	TT	
71	Trần Thị Phương	28/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,39	9,14	TT	
72	Mai Thị Ngọc	18/01/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,12	9,87	TT	
73	Nhâm Nguyễn	03/01/2006	Nam	Hoa	2NT	06	2025	Sóc Trăng	0,5	1	7,33	8,83	TT	
74	Thạch Thị Ngọc	06/04/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	8,60	11,35	TT	
75	Lý Quách Mộng	28/11/2005	Nữ	Khmer		01	2023	Sóc Trăng	0	2	7,70	9,70	TT	
76	Huỳnh Anh	31/03/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,89	9,64	TT	
77	Lý Anh	28/12/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,40	9,15	TT	
78	Lê Nguyễn Bảo	18/11/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,77	8,52	TT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đối tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
79	Trương Thị Thảo	Trang	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,08	10,83	TT	
80	Tổng Thị Kiều	Trang	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,50	9,00	TT	
81	Diệp Thủy Mai	Trâm	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,90	10,65	TT	
82	Dương Thị Thanh	Trâm	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,23	9,98	TT	
83	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,46	8,96	TT	
84	Lâm Bích	Trần	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,89	10,64	TT	
85	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,04	8,79	TT	
86	Lý Thị Ngọc	Trần	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,98	8,73	TT	
87	Đỗ Bảo	Trần	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,60	8,35	TT	
88	Thạch Thu	Trinh	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,30	11,05	TT	
89	Diệp Vĩnh	Trưởng	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,30	10,05	TT	
90	Lâm Thị Quỳnh	Va	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,82	10,57	TT	
91	Lý Thị Bé	Vàng	Nữ	Khmer	2NT	01	2025	Sóc Trăng	0,5	2	6,70	9,20	TT	
92	Nguyễn Ngọc Thảo Vân		Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,08	8,83	TT	
93	Lâm Nhật	Vinh	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,59	10,34	TT	
94	Lê Quốc	Vinh	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,40	9,15	TT	
95	Son Thị Kim	Vuong	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,05	10,80	TT	
96	Lâm Thảo	Vy	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,06	10,81	TT	
97	Trần Phạm Thủy	Vy	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,83	8,58	TT	
98	Lâm Vĩnh	Xanh	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,20	9,95	TT	
99	Đào Thị	Xuân	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,80	10,55	TT	
100	Lâm Kim	Xuyến	Nữ	Khmer		01	2017	Sóc Trăng	0	2	7,90	9,90	TT	
101	Thạch Như	Ý	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,92	9,67	TT	
102	Trần Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,82	8,57	TT	
103	Lâm Mộng Như	Ý	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,60	8,35	TT	
104	Dương Đăng Như	Ý	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,53	8,03	TT	
105	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	Nữ	Kinh			2021	Cần Thơ	0	0	8,70	8,70	TT	

Danh sách có 105 thí sinh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỢT 1 - 2025

Ngành, nghề: Cao đẳng Kế toán

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-HDTS ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tương UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐTUT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Anh	03/11/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,73	11,48	TT	
2	Trương Tuấn Anh	10/03/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,67	8,42	TT	
3	Trần Ngọc Ánh	24/09/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,48	11,23	TT	
4	Lâm Khánh Duy	10/10/2002	Nam	Khmer		01	2021	Sóc Trăng	0	2	7,60	9,60	TT	
5	Nguyễn Minh Duy	12/10/1994	Nam	Kinh			2012	Bình Thuận	0	0	6,8	6,80	TT	
6	Trần Hồng Duyên	04/04/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,29	9,04	TT	
7	Nguyễn Thị Minh Duyên	22/04/2007	Nữ	Kinh	KV2		2025	Bình Thuận	0,25	0	7,68	7,93	TT	
8	Tô Mỹ Đông	11/10/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,30	11,05	TT	
9	Thạch Thị Hồng Hạnh	10/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	9,16	11,91	TT	
10	Thái Thị Ngọc Hân	30/12/2005	Nữ	Kinh			2023	Sóc Trăng	0	0	7,30	7,30	TT	
11	Lâm Minh Hiếu	10/10/2005	Nam	Hoa		01	2023	Sóc Trăng	0	2	9,30	11,30	TT	
12	Vương Triều Hưng	27/07/2000	Nam	Hoa		01	2018	Sóc Trăng	0	2	7,7	9,70	TT	
13	Trần Quốc Kha	05/05/2004	Nam	Kinh			2022	Già Rai	0	0	7,30	7,30	TT	
14	Nguyễn Thị Thúy Loan	11/02/2002	Nữ	Kinh			2021	Sóc Trăng	0	0	7,4	7,40	TT	
15	Son Thị Trúc Mai	27/09/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,53	11,28	TT	
16	Phạm Thị Hồng Mai	14/02/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,29	11,04	TT	
17	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ngân	16/06/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,42	8,17	TT	
18	Nguyễn Trọng Nhân	02/09/2006	Nam	Kinh	KV1		2024	Cần Thơ	0,75	0	7,10	7,85	TT	
19	Lê Thị Yên Nhi	25/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,07	7,57	TT	
20	Lê Hồng Nhi	10/04/2003	Nữ	Kinh			2021	Cần Thơ	0	0	7,00	7,00	TT	
21	Quách Tâm Nhiên	17/05/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,84	9,59	TT	
22	Thạch Thị Tum Búp Pha	20/09/2003	Nữ	Khmer		01	2021	Sóc Trăng	0	2	8,00	10,00	TT	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đối tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm DTUT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
23	Quách An	16/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,03	7,53	TT	
24	Nguyễn Thái Như	05/06/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,56	9,31	TT	
25	Nguyễn Thị Hồng	17/10/2005	Nữ	Kinh			2023	Cần Thơ	0	0	8,60	8,60	TT	
26	Lâm Hữu	11/08/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,27	10,02	TT	
27	Nguyễn Hữu	11/09/2006	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,67	8,42	TT	
28	Thạch Thị Thủy	15/12/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,66	11,41	TT	
29	Lê Thị Cẩm	31/08/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,68	8,43	TT	
30	Trần Trí	14/06/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,03	8,78	TT	
31	Son Thị Phương	16/12/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,18	10,93	TT	
32	Hà Tuấn	07/12/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	6,81	7,56	TT	
33	Trần Minh	05/01/2007	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	9,41	12,16	TT	
34	Nguyễn Huỳnh	28/11/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,70	8,45	TT	
35	Trần Thị Lệ	11/06/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,17	8,92	TT	
36	Đào Nguyễn Hoài	12/02/2005	Nữ	Kinh			2023	Sóc Trăng	0	0	8,90	8,90	TT	
37	Tăng Thị Hà	30/04/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,68	9,43	TT	
38	Quách Huỳnh	28/02/2005	Nữ	Khmer		01	2022	Sóc Trăng	0	2	6,20	8,20	TT	
39	Nguyễn Thị Huyền	23/11/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	9,11	9,86	TT	
40	Mã Huệ	29/08/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,50	9,25	TT	
41	Trần Thị Thái	11/10/2001	Nữ	Kinh			2019	Sóc Trăng	0	0	8,00	8,00	TT	
42	Nguyễn Minh	17/02/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	6,57	7,07	TT	
43	Tôn Quốc	10/10/1994	Nam	Kinh			2012	Sóc Trăng	0	0	7,00	7,00	TT	
44	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	14/07/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,09	8,84	TT	
45	Phan Mộng	11/02/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,58	8,33	TT	
46	Lý Thị Phương	07/03/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	8,20	10,95	TT	
47	Trương Yến	15/09/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,08	8,58	TT	
48	La Thoại	19/03/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,37	10,12	TT	

Danh sách có 48 thí sinh



Handwritten signature/initials.

TRƯỜNG CĐCB SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỢT 1 - 2025

Ngành, nghề: Cao đẳng Quản trị kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-HDTS ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm ĐT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
1	Trần Xuân Duy	15/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,70	8,45	TT	
2	Dương Nguyễn Bảo Duy	01/05/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,12	7,87	TT	
3	Lâm Khánh Duy	14/04/2005	Nam	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	6,6	7,35	TT	
4	Diệp Trần Tấn Đại	18/03/2004	Nam	Kinh			2022	Sóc Trăng	0	0	8,00	8,00	TT	
5	Huyền Phong Đạt	05/05/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Đắk Lắk	0,75	0	7,39	8,14	TT	
6	Lý Phúc Khang	20/02/2002	Nam	Kinh			2020	Sóc Trăng	0	0	6,30	6,30	TT	
7	Trần Quốc Khánh	18/11/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	6,97	7,72	TT	
8	Thạch Thị Huỳnh Nga	10/03/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	8,00	10,75	TT	
9	Kim Trường Nhân	22/09/2006	Nam	Khmer	2NT	01	2025	Sóc Trăng	0,5	2	7,49	9,99	TT	
10	Đông Nguyễn Tường Nhi	09/02/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	6,90	9,65	TT	
11	Nguyễn Hoàng Tố Như	18/02/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,02	8,77	TT	
12	Nguyễn Khánh Phú	31/01/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,19	7,94	TT	
13	Lê Thị Mỹ Phượng	15/03/2001	Nữ	Kinh			2019	Sóc Trăng	0	0	7,90	7,90	TT	
14	Mã Lâm Kim Quí	11/09/2007	Nam	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,66	9,41	TT	
15	Võ Nguyễn Ngọc Sương	08/01/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,61	8,11	TT	
16	Huỳnh Ngọc Tuyết	15/03/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,71	8,46	TT	
17	Mai Thị Thanh Thanh	07/03/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,54	10,29	TT	
18	Dương Thạch Ngọc Thảo	13/01/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,70	10,45	TT	
19	Trần Thị Thảo Trang	13/02/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,76	8,51	TT	
20	Nguyễn Mai Ngọc Trâm	27/12/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	7,48	7,98	TT	
21	Trần Ngọc Bích Trâm	26/06/2005	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	7,20	7,95	TT	
22	Ô Diễm Trinh	25/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,49	8,24	TT	
23	Mai Như Ý	08/04/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	9,40	10,15	TT	
24	Thạch Thị Hồng Yến	12/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,77	9,52	TT	

Danh sách có 24 thí sinh

Chữ



KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỢT 1 - 2025

Ngành, nghề: Cao đẳng Tin học Ứng dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-HDTS ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tượng UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm DT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển sinh	Ghi chú
1	Phạm Quốc An	02/09/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,11	7,86	TT	
2	Lê Thành Dương	31/07/2004	Nam	Kinh			2022	Sóc Trăng	0	0	7,40	7,40	TT	
3	Phạm Hải Đăng	24/10/2003	Nam	Kinh			2022	Sóc Trăng	0	0	6,80	6,80	TT	
4	Kim Ngọc Hải	12/09/2007	Nam	Khmer	2NT	01	2025	Sóc Trăng	0,5	2	7,51	10,01	TT	
5	Lý Minh Hiếu	23/09/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,33	8,08	TT	
6	Huỳnh Quang Huy	29/07/2006	Nam	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	6,60	9,35	TT	
7	Lê Quốc Huy	14/08/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	6,46	7,21	TT	
8	Nguyễn Nhật Mộng Kiều	22/09/2001	Nữ	Kinh			2019	Sóc Trăng	0	0	8,60	8,60	TT	
9	Võ Thành Lâm	30/10/2007	Nam	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	9,12	9,62	TT	
10	Lâm Trí Minh	09/11/2006	Nam	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,51	11,26	TT	
11	Phan Như Ngọc	05/07/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	6,86	7,61	TT	
12	Đinh Thị Nguyệt	12/10/2006	Nữ	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	6,70	9,45	TT	
13	Trần Thanh Nhã	22/02/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,01	8,76	TT	
14	Lâm Quỳnh Như	06/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,47	10,22	TT	
15	Quang Quỳnh Như	30/04/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	8,20	8,95	TT	
16	Nguyễn Nhật Quý	01/01/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,91	8,66	TT	
17	Khuu Như Quỳnh	11/01/2006	Nữ	Kinh	KV1		2024	Sóc Trăng	0,75	0	8,10	8,85	TT	
18	Trần Duy Tường	14/10/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,54	9,29	TT	

Danh sách có 18 thí sinh

Handwritten signature



KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỢT 1 - 2025

Ngành, nghề: Cao đẳng Tiếng Anh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/QĐ-HĐTS ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Khu vực UT	Đổi tương UT	Năm TN THPT	Tỉnh/ Thành phố	Điểm KV	Điểm DT UT	Điểm TBCN lớp 12	Điểm xét tuyển	Kết quả tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Anh	04/07/2007	Nữ	Kinh	2NT		2025	Sóc Trăng	0,5	0	8,56	9,06	TT	
2	Huỳnh Tinh Anh	17/01/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,26	8,01	TT	
3	Huỳnh Nhật Anh	17/01/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	6,98	7,73	TT	
4	Nguyễn Thái Bình	03/12/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,40	8,15	TT	
5	Quách Kim Các	09/07/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	6,56	9,31	TT	
6	Hồ Tấn Huy	23/12/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,63	9,38	TT	
7	Huỳnh Văn Huy	20/02/2002	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,54	9,29	TT	
8	Dương Minh Hưng	06/10/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,51	8,26	TT	
9	Huỳnh Anh Kiệt	07/11/2004	Nam	Kinh			2022	Sóc Trăng	0	0	8,30	8,30	TT	
10	Đặng Thị Diễm Kiều	12/11/2006	Nam	Kinh	2NT		2024	Sóc Trăng	0,5	0	6,80	7,30	TT	
11	Ngô Văn Khánh	24/11/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,71	8,46	TT	
12	Võ Duy Khôi	19/07/2005	Nam	Kinh			2023	Sóc Trăng	0	0	6,30	6,30	TT	
13	Lâm Mỹ Ngọc	06/10/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,38	8,13	TT	
14	Lý Khả Nhi	26/06/2007	Nữ	Hoa	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	7,67	10,42	TT	
15	Lý Minh Như	07/11/2002	Nữ	Khmer		01	2021	Sóc Trăng	0	2	6,80	8,80	TT	
16	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	13/08/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	8,03	8,78	TT	
17	Nguyễn Thị Huỳnh Như	01/05/2006	Nữ	Kinh	2NT		2024	Sóc Trăng	0,5	0	8,20	8,70	TT	
18	Nguyễn Thành Phát	14/11/2007	Nam	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,84	8,59	TT	
19	Lâm Hoàng Phúc	04/10/2006	Nam	Khmer	KV1	01	2024	Sóc Trăng	0,75	2	7,10	9,85	TT	
20	Trần Hồng Nhã Uyên	09/10/2007	Nữ	Kinh	KV1		2025	Sóc Trăng	0,75	0	7,12	7,87	TT	
21	Son Thị Ngọc Sương	21/10/2003	Nữ	Khmer		01	2021	Sóc Trăng	0	2	6,50	8,50	TT	
22	Lý Thị Yên Trang	07/07/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,26	11,01	TT	
23	Kim Chu Mỹ Trân	24/09/2004	Nữ	Khmer		01	2022	Sóc Trăng	0	2	7,90	9,90	TT	
24	Lâm Thủy Vy	10/10/2007	Nữ	Khmer	KV1	01	2025	Sóc Trăng	0,75	2	8,42	11,17	TT	

Danh sách có 24 thí sinh

Thủy